

NGHỊ QUYẾT

**Ban hành Quy định mức hỗ trợ và các khoản đóng góp
đối với người cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh Điện Biên**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN
KHÓA XIV, KỲ HỌP THỨ 12**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Phòng, chống ma túy ngày 09 tháng 12 năm 2000; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống ma túy ngày 03 tháng 6 năm 2008;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 80/2018/NĐ-CP, ngày 17 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 147/2003/NĐ-CP, ngày 02 tháng 12 năm 2003 của Chính phủ quy định về điều kiện, thủ tục cấp giấy phép và quản lý hoạt động của cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện; Nghị định số 135/2004/NĐ-CP, ngày 10 tháng 6 năm 2004 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh, tổ chức hoạt động của cơ sở chữa bệnh theo Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính và chế độ áp dụng đối với người chưa thành niên, người tự nguyện vào cơ sở chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 117/2017/TT-BTC, ngày 06 tháng 11 năm 2017 của Bộ Tài chính Quy định quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc và tổ chức cai nghiện ma túy bắt buộc tại cộng đồng;

Căn cứ Thông tư số 124/2018/TT-BTC, ngày 20 tháng 12 năm 2018 của Bộ Tài chính Quy định về quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện;

Xét Tờ trình số 3526/TTr-UBND, ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị ban hành Nghị quyết Quy định mức hỗ trợ và các khoản đóng góp đối với người cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh Điện Biên; Báo cáo thẩm tra số 65/BC-VHXXH, ngày 02 tháng 12 năm 2019 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định về mức hỗ trợ và các khoản đóng góp đối với người cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết theo quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Thời điểm thực hiện kể từ ngày 01/01/2020.

2. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 69/2017/NQ-HĐND, ngày 13 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên quy định quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; chế độ đối với người tự nguyện chữa trị, cai nghiện tại Trung tâm Chữa bệnh-Giáo dục-Lao động xã hội và tổ chức cai nghiện ma túy tại gia đình, cộng đồng, quản lý sau cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên Khóa XIV, kỳ họp thứ 12 thông qua ngày 06 tháng 12 năm 2019 và có hiệu lực từ ngày 16 tháng 12 năm 2019./.

Nơi nhận:

- UBTW Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Bộ Tài chính;
- Cục kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo UBND tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đại biểu QH, Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các ban của HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, TX, TP;
- Công báo tỉnh
- Lưu: VT, CV HĐND tỉnh.

CHỦ TỊCH



Lò Văn Muôn

QUY ĐỊNH

Mức hỗ trợ và các khoản đóng góp

đối với người cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh Điện Biên

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 16/2019/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên)

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định mức hỗ trợ và số lượng cán bộ theo dõi, quản lý đối tượng cai nghiện ma túy bắt buộc tại cộng đồng; cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình và cộng đồng.

2. Quy định mức hỗ trợ, đóng góp và chế độ miễn, giảm của người cai nghiện ma túy bắt buộc tại cộng đồng; mức hỗ trợ, các khoản đóng góp với người cai nghiện ma túy tại cơ sở cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan đến việc quản lý, sử dụng nguồn kinh phí từ ngân sách nhà nước để tổ chức cai nghiện ma túy bắt buộc tại cộng đồng; cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện, cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình và cộng đồng.

2. Người nghiện ma túy điều trị, cai nghiện bắt buộc tại cộng đồng theo Luật Phòng, chống ma túy.

3. Người cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng và cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy theo Luật Phòng, chống ma túy.

Điều 3. Nguồn kinh phí thực hiện

Kinh phí thực hiện quy định này bố trí từ các nguồn:

- a) Nguồn ngân sách địa phương theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành;
- b) Nguồn đóng góp của người cai nghiện ma túy (hoặc gia đình người cai nghiện ma túy);
- c) Nguồn huy động của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước;
- d) Nguồn tài chính hợp pháp khác theo quy định.

Điều 4. Nguyên tắc áp dụng

1. Các nội dung khác không quy định tại Nghị quyết này được thực hiện theo quy định của Thông tư số 117/2017/TT-BTC, ngày 06/11/2017 của Bộ Tài chính Quy định quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc và tổ chức cai nghiện ma túy bắt buộc tại cộng đồng và Thông tư số 124/2018/TT-BTC, ngày 20/12/2018 của Bộ Tài chính Quy

định về quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện.

2. Người cai nghiện ma túy tự nguyện được hưởng hỗ trợ phải có hộ khẩu thường trú trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

Chương II **NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

Mục 1

MỨC HỖ TRỢ VÀ SỐ LƯỢNG CÁN BỘ THEO DÕI, QUẢN LÝ ĐỐI TƯỢNG CAI NGHIỆN MA TÚY; MỨC HỖ TRỢ NGƯỜI CAI NGHIỆN MA TÚY, CÁC KHOẢN ĐÓNG GÓP VÀ CHẾ ĐỘ GIẢM MỘT PHẦN CHI PHÍ CỦA NGƯỜI CAI NGHIỆN MA TÚY TẠI GIA ĐÌNH VÀ CỘNG ĐỒNG

Điều 5. Mức hỗ trợ và số lượng cán bộ theo dõi, quản lý đối tượng cai nghiện ma túy bắt buộc tại cộng đồng; cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình và cộng đồng

1. Chi tối đa 6 tháng cho cán bộ theo dõi, quản lý đối tượng cai nghiện ma túy tại gia đình, cộng đồng: Mức 300.000đ/người/tháng.

2. Số lượng cán bộ theo dõi, quản lý: Đối với xã, phường, thị trấn có dưới 20 người cai nghiện, thì số người theo dõi, quản lý là 03 người; đối với xã, phường, thị trấn có từ 20 người cai nghiện trở lên, cứ thêm 03 người cai nghiện thì thêm 01 người theo dõi, quản lý.

Điều 6. Chế độ hỗ trợ

Người cai nghiện ma túy bắt buộc tại cộng đồng, cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình và cộng đồng thuộc hộ nghèo, gia đình chính sách theo Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng, người chưa thành niên, người thuộc diện bảo trợ xã hội, người khuyết tật được hỗ trợ:

1. Tiền thuốc hỗ trợ điều trị cắt cơn nghiện ma túy theo phác đồ điều trị và chúng từ, hóa đơn thực tế nhưng tối đa không quá 900.000đồng/người/lần chấp hành quyết định, đối với người nghiện ma túy tổng hợp; tối đa không quá 400.000 đồng/người/lần chấp hành quyết định đối với người nghiện ma túy là thuốc phiện, heroin;

2. Tiền ăn trong thời gian cai nghiện tập trung: 40.000đ/người/ngày, thời gian tối đa là 15 ngày.

Điều 7. Chế độ giảm

Người cai nghiện ma túy bắt buộc tập trung tại cộng đồng thuộc gia đình chính sách theo Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng, người thuộc diện bảo trợ xã hội được xét giảm 50% tiền chi phí chữa trị cai nghiện ma túy (gồm tiền thuốc chữa bệnh, tiền chi phí tổ chức chữa trị, cai nghiện).

Điều 8. Các khoản đóng góp của người cai nghiện ma túy bắt buộc tại cộng đồng, cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình và cộng đồng

Người cai nghiện ma túy bắt buộc, tự nguyện tại cộng đồng hoặc gia đình của người nghiện ma túy có trách nhiệm đóng góp các khoản chi phí trong thời gian cai nghiện (trừ trường hợp được hỗ trợ theo quy định tại Điều 6, được giảm theo Điều 7 của Quy định này), như sau:

1. Đóng góp 100% tiền thuốc hỗ trợ cắt cơn, giải độc, điều trị rối loạn tâm thần theo phác đồ điều trị tối đa không quá 900.000 đồng/người/lần chấp hành quyết định, đối với người nghiện ma túy tổng hợp; tối đa không quá 400.000 đồng/người/lần chấp hành quyết định, đối với người nghiện ma túy là thuốc phiện, heroin.

2. Tiền ăn trong thời gian cai nghiện ma túy bắt buộc, cai nghiện ma túy tự nguyện tập trung tại cộng đồng: Mức 40.000đ/người/ngày.

3. Tiền chi phí tổ chức chữa trị, cai nghiện bắt buộc tại cộng đồng, cai nghiện tự nguyện tại gia đình và cộng đồng: 100.000đồng/người/đợt điều trị.

4. Tiền học nghề (nếu đối tượng có nhu cầu học nghề): Theo mức hỗ trợ cụ thể từng đối tượng, từng nghề, thời gian học thực tế và hình thức học nhưng tối đa không vượt quá quy định tại khoản 1 Điều 7 Thông tư số 152/2016/TT-BTC, ngày 17/10/2016 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 3 tháng trên địa bàn.

Mục 2

CHẾ ĐỘ HỖ TRỢ, CÁC KHOẢN ĐÓNG GÓP ĐỐI VỚI NGƯỜI CAI NGHIỆN MA TUÝ TỰ NGUYỆN TẠI CƠ SỞ CAI NGHIỆN MA TUÝ CÔNG LẬP

Điều 9. Nội dung, mức chi hỗ trợ người cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập

Người cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập, chỉ được hỗ trợ 01 lần, với thời gian 6 tháng, gồm:

1. Hỗ trợ tiền thuốc cắt cơn, giải độc, điều trị rối loạn tâm thần theo phác đồ điều trị và chứng từ, hóa đơn thực tế nhưng tối đa không quá 900.000 đồng/người/lần chấp hành quyết định, đối với người nghiện ma túy tổng hợp và 400.000 đồng/người/lần chấp hành quyết định đối với người nghiện thuốc phiện, heroin.

2. Hỗ trợ 100% chi phí sàng lọc, đánh giá mức độ nghiện, thực hiện các dịch vụ xét nghiệm y tế theo chỉ định của bác sỹ; điều trị nhiễm trùng cơ hội và thuốc chữa bệnh thông thường.

3. Hỗ trợ tiền ăn hàng tháng với mức 0,8 mức lương cơ sở; hỗ trợ tiền mặc, đồ dùng sinh hoạt cá nhân bằng 0,9 mức lương cơ sở/người/đợt điều trị, đối với các đối tượng sau:

- a) Thương binh;
- b) Người bị nhiễm chất độc hóa học và suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên;
- c) Người thuộc hộ nghèo;
- d) Người cao tuổi cô đơn không nơi nương tựa;

đ) Trẻ em mồ côi;

e) Người khuyết tật nặng và đặc biệt nặng.

4. Hỗ trợ tiền ăn hàng tháng với mức 70% của 0,8 mức lương cơ sở; hỗ trợ tiền mặc, đồ dùng sinh hoạt cá nhân bằng 70% của 0,9 mức lương cơ sở/người/đợt điều trị (trừ các đối tượng được hỗ trợ tại khoản 3, Điều này).

5. Hỗ trợ 100% chỗ ở cho người cai nghiện ma túy.

Điều 10. Các khoản đóng góp

1. Người cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện công lập lần đầu (trừ các đối tượng được hỗ trợ tại khoản 3, Điều 9 của Quy định này), phải đóng góp các khoản sau:

a) Tiền ăn hàng tháng với mức 30% của 0,8 mức lương cơ sở.

b) Tiền mặc, đồ dùng sinh hoạt cá nhân bằng 30% của 0,9 mức lương cơ sở hiện hành/người/đợt điều trị.

c) Tiền hoạt động văn nghệ, thể thao: Mức 70.000 đồng/người/năm.

d) Tiền điện, nước sinh hoạt: 80.000 đồng/người/tháng

2. Người cai nghiện ma túy tự nguyện lần đầu hết thời gian 6 tháng tại cơ sở cai nghiện. Từ tháng thứ 7 trở đi nếu người nghiện ma túy có nhu cầu tiếp tục chữa trị, cai nghiện tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập, thì hàng tháng phải đóng góp các khoản chi phí sau:

a) Tiền ăn: 0,8 mức lương cơ sở/người/tháng.

b) Tiền thuốc chữa bệnh thông thường: 10.000 đồng/người/tháng.

c) Tiền điện, nước sinh hoạt, vệ sinh: 50.000 đồng/người/tháng.

d) Tiền viện phí (nếu trong thời gian chữa trị, cai nghiện tại cơ sở cai nghiện đối tượng phải đi điều trị tại bệnh viện): Thanh toán theo thực tế.

đ) Học nghề (nếu đối tượng có nhu cầu học nghề): Theo mức hỗ trợ cụ thể từng đối tượng, từng nghề, thời gian học thực tế và hình thức học nhưng tối đa không vượt quá quy định tại khoản 1 Điều 7 Thông tư số 152/2016/TT-BTC ngày 17/10/2016 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 3 tháng trên địa bàn.

3. Người cai nghiện ma túy tự nguyện từ lần thứ 2 trở đi tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập, có trách nhiệm đóng góp các khoản chi phí sau:

a) Tiền thuốc cắt cơn, giải độc, điều trị rối loạn tâm thần theo phác đồ điều trị tối đa không quá 900.000 đồng/người/lần chấp hành quyết định, đối với người nghiện ma túy tổng hợp và 400.000 đồng/người/lần chấp hành quyết định đối với người nghiện thuốc phiện, heroin.

b) Chi phí sàng lọc, đánh giá mức độ nghiện, thực hiện các dịch vụ xét nghiệm y tế theo chỉ định của bác sỹ; điều trị nhiễm trùng cơ hội và thuốc chữa bệnh thông thường.

c) Tiền ăn: 0,8 mức lương cơ sở/người/tháng.

d) Tiền mặc, đồ dùng sinh hoạt cá nhân bằng 0,9 mức lương cơ sở/người/đợt điều trị.

đ) Tiền thuốc chữa bệnh thông thường: 10.000 đồng/người/tháng.

- e) Tiền điện, nước sinh hoạt, vệ sinh: 50.000 đồng/người/tháng.
- g) Tiền hoạt động văn nghệ, thể thao: Mức 70.000 đồng/người/năm.
- h) Tiền viện phí (nếu trong thời gian chữa trị, cai nghiện tại cơ sở cai nghiện đối tượng phải đi điều trị tại bệnh viện): Thanh toán theo thực tế.
- i) Học nghề (nếu đối tượng có nhu cầu học nghề): Theo mức hỗ trợ cụ thể từng đối tượng, từng nghề, thời gian học thực tế và hình thức học nhưng tối đa không vượt quá quy định tại khoản 1 Điều 7 Thông tư số 152/2016/TT-BTC, ngày 17/10/2016 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 3 tháng trên địa bàn./.

CHỦ TỊCH



Lò Văn Muôn